

ĐÂY THÔN VĨ DẠ

A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

- Cảm nhận được bài thơ là bức tranh phong cảnh và cũng là tâm cảnh, thể hiện nỗi buồn cô đơn của nhà thơ trong một mối tình xa xăm, vô vọng. Hơn thế, đó còn là tấm lòng thiết tha của nhà thơ với thiên nhiên, cuộc sống và con người.
- Nhận biết sự vận động của từ thơ, của tâm trạng chủ thể trữ tình và bút pháp độc đáo, tài hoa của một nhà thơ mới.

B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I – NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

– Xuất xứ bài thơ khá đặc biệt. Trong thời gian làm nhân viên Sở Đặc điền Bình Định (khoảng những năm 1932 – 1933), Hàn Mặc Tử có thâm yêu Hoàng Thị Kim Cúc quê ở Vĩ Dạ nhưng sống ở Quy Nhơn. Ít lâu sau, Hàn Mặc Tử vào Sài Gòn làm báo, khi mắc bệnh phong, trở lại Quy Nhơn thì Kim Cúc đã theo gia đình về quê, hai người có thư từ qua lại. Một lần, Kim Cúc gửi cho Hàn Mặc Tử một tấm thiếp vẽ phong cảnh Huế có hình người chèo đò trên sông Hương với lời thăm hỏi chúc thi sĩ mau bình phục. Sau đó, khoảng năm 1939, Kim Cúc nhận được bài thơ *Đây thôn Vĩ Dạ* do Hàn Mặc Tử tặng kèm theo mấy dòng cảm tạ chân thành.

Như vậy, tấm thiếp và những lời thăm hỏi của Kim Cúc đã gợi cảm hứng để Hàn Mặc Tử viết *Đây thôn Vĩ Dạ*, thể hiện tình yêu thắm kín của mình, tâm trạng của mình trong hoàn cảnh éo le, bất hạnh. Tuy nhiên, khi giảng dạy bài này, không nên quá xoáy sâu vào tình yêu đơn phương của nhà thơ. Chỉ nên coi đó là căn cứ để hiểu thêm nội dung tư tưởng của tác phẩm, đó là duyên cớ để nhà thơ bày tỏ tình yêu tha thiết với thiên nhiên, với cuộc sống và con người.

– Đặc trưng cơ bản của thơ trữ tình là sự tự biểu hiện của nhà thơ. Vì vậy, tất cả các yếu tố : hình ảnh, hình tượng, ngôn ngữ,... trong bài thơ đều chỉ là biểu hiện của cảm xúc, của tâm trạng chủ thể trữ tình.

2. Trọng tâm bài học

– Khắc sâu vẻ đẹp đượm buồn của xứ Huế với cảnh thôn Vĩ bên dòng sông Hương êm đềm, thơ mộng. Tất cả là cảnh trong trí tưởng của người ở nơi xa đang hướng về xứ Huế với biết bao yêu thương, khao khát, hi vọng.

– Làm rõ nguồn sáng tâm hồn chiếu rọi phía sau bức tranh phong cảnh : nỗi buồn cô đơn của một con người tha thiết yêu đời, yêu thiên nhiên, yêu cái đẹp, yêu sự sống trong một cảnh ngộ bất hạnh, hiểm nghèo.

II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

– Cho HS đọc *Tiểu dẫn* trong SGK, nói thêm xuất xứ đặc biệt của bài thơ (theo nội dung ở mục *Đặc điểm bài học*).

– Nên dạy theo cách gợi dẫn : dẫn dắt HS nhập vào cảnh ngộ và tâm trạng của tác giả để cảm hiểu từng ý thơ ; khơi gợi cho HS phát hiện những tầng lớp ý nghĩa sâu xa trong từng chi tiết, hình ảnh thơ.

2. Tiến trình tổ chức dạy học

Phân tích bài thơ theo bốn câu hỏi phần *Hướng dẫn học bài*.

Câu 1

Câu mở đầu “Sao anh không về chơi thôn Vĩ ?” là câu hỏi nhưng lại gợi cảm giác như lời trách nhẹ nhàng và cũng là lời mời gọi tha thiết của cô gái thôn Vĩ với nhà thơ (hay đây cũng là lời nhà thơ tự trách, tự hỏi mình, là ước ao thầm kín của người đi xa được về lại thôn Vĩ). Ở đây câu thơ không dùng hai chữ *về thăm* có vẻ xã giao mà dùng hai chữ *về chơi* mang sắc thái thân mật, tự nhiên, chân tình hơn. Thực ra câu hỏi như vọng lên từ một phương trời xa xôi ấy đã là duyên cớ để khơi dậy trong tâm hồn nhà thơ bao kí niệm sâu sắc, bao hình ảnh đẹp đẽ, đáng yêu về xứ Huế, trước hết là về Vĩ Dạ, nơi có người mà nhà thơ thương mến và đẹp nhất là cảnh thôn Vĩ trong ánh bình minh.

Hai câu tiếp theo cho thấy trong hồi tưởng của mình, Hàn Mặc Tử không tả mà chỉ gợi những gì gây ấn tượng mạnh mẽ và sâu sắc còn lưu lại trong tâm trí người ở nơi xa. Do đó, câu thơ “Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên” như phác qua cái nhìn từ xa tới, chưa đến Vĩ Dạ nhưng đã thấy những hàng cau thẳng tắp, cao vút, vượt lên trên những cây khác, những tàu lá cau lấp lánh ánh mặt trời buổi sớm mai. Đây là một quan sát rất tinh tế : cái đẹp của thôn Vĩ không phải chỉ do *nắng* hay do *hang cau* mà là do *nắng hàng cau*, do sự hài hoà của ánh nắng vàng rực rỡ trên hàng cau tươi xanh. Đặc biệt, câu thơ có bảy chữ thì đã có hai chữ *nắng*,

tưởng như Hàn Mặc Tử đã gợi đúng đặc điểm của nắng miền Trung : nắng nhiều và ánh nắng chói chang, rực rỡ ngay từ lúc bình minh ; không những thế Hàn Mặc Tử còn gợi được vẻ đẹp của nắng ở nơi đây, đó là *nắng mới lên* thật trong trẻo, tinh khiết, có cảm giác ánh nắng ấy đã làm bừng sáng cả khoảng trời hối tưởng của nhà thơ.

Câu thơ “Vườn ai mướt quá xanh như ngọc” lại là cái nhìn thật gần của người như đang đi trong những khu vườn tươi đẹp của thôn VĨ. Có thể coi cái thần thái của thôn VĨ là vườn cây, vườn bao bọc quanh nhà, gần với ngôi nhà thành một cấu trúc thẩm mĩ xinh xắn mà Xuân Diệu từng có cảm giác “giống như bài thơ tú tuyệt” (*Đường vô miền Trung*). Cũng vì là cấu trúc vườn – nhà cho nên vườn được chăm sóc chu đáo, những khóm hoa, cây cảnh vốn đã xanh tươi lại được những bàn tay khéo léo chăm sóc nên càng thêm đẹp thêm tươi. Ở đây chỉ với một chữ *mướt*, Hàn Mặc Tử đã gợi được sự chăm sóc ấy, gợi được vẻ tươi tốt, đầy sức sống của vườn cây cũng như cái sạch sẽ, láng bóng của từng chiếc lá cây dưới ánh mặt trời ; còn ý thơ *vườn ai mướt quá* như lời cảm thán mang sắc thái ngợi ca ; trong khi đó *xanh như ngọc* là một so sánh thật đẹp gọi hình ảnh những lá cây xanh mướt, mượt mà được *nắng mới lên*, cái ánh mặt trời rực rỡ buổi sớm mai chiếu xuyên qua trở nên có màu xanh trong suốt và ánh lên như ngọc. Phải là một người có tình yêu tha thiết với thiên nhiên, với cuộc sống, có ân tình thật sâu sắc, đậm đà với thôn VĨ mới lưu giữ được trong tâm trí những hình ảnh sống động và đẹp đẽ như thế.

Đến câu thơ “Lá trúc che ngang mặt chữ điền”, sự xuất hiện của con người càng làm cho cảnh vật thêm sinh động, có lẽ đó là chủ nhân của *vườn ai*. Tuy vậy, sự xuất hiện của con người thật kín đáo, rất đúng với bản tính của người Huế, vì chỉ thấy thấp thoáng sau những chiếc lá trúc là khuôn mặt chữ điền, khuôn mặt của người ngay thẳng, cương trực, phúc hậu theo quan niệm thời xưa. Ở đây, một lần nữa ta thấy sự tinh tế của ngòi bút Hàn Mặc Tử : trước khuôn mặt ấy, lá trúc phải *che ngang* để tôn rõ thêm nét chữ điền. Với câu thơ này, Hàn Mặc Tử càng gợi rõ hơn cái thần thái của thôn VĨ : cảnh xinh xắn, người phúc hậu, thiên nhiên và con người hài hòa với nhau trong một vẻ đẹp kín đáo, dịu dàng.

Câu 2

Ở khổ thơ này, tâm trí Hàn Mặc Tử hướng về một hình ảnh không thể tách rời thôn VĨ DẠ, đó là dòng sông Hương với hai nét tiêu biểu cho xứ Huế là êm đềm và thơ mộng, đồng thời ẩn sâu trong đó là biết bao cảm xúc, suy tư của nhà thơ. Trong hai câu đầu, Hàn Mặc Tử tả thực về êm đềm, nhịp điệu khoan thai của xứ Huế : gió mây nhẹ nhẹ bay đi, dòng nước chảy lững lờ, cây cỏ khẽ đung đưa. Đáng chú ý là sắc thái cảm xúc của hai câu thơ này, vì nhà thơ đã dùng biện pháp nhân hoá với cả gió, mây và dòng sông. Thường chúng vẫn đi với nhau : gió thổi

mây bay và nhò gió mà dòng sông mới có sóng, có sự sống động, còn ở đây mây và gió lại rời xa nhau. Sự chuyển động ngược chiều của gió mây làm tăng thêm cái trống vắng của không gian ; hay nói đúng hơn, rất ít mây và gió, cho nên dòng sông lặng lẽ *buồn thiu* và cây cỏ bên bờ chỉ lay động rất nhẹ. Nhìn chung, đó là một hình ảnh đẹp nhưng cũng thật lạnh lẽo, dường như nó phảng phất tâm trạng u buồn, cô đơn của nhà thơ trước sự thờ ơ, xa cách của cuộc đời đối với mình.

Hai câu thơ sau cho thấy tâm hồn nhà thơ có buồn và cô đơn nhưng vẫn chan chứa tình yêu với con người và thiên nhiên xứ Huế. Đây là cảnh thực mà cứ như ảo, vì dòng sông không còn là dòng sông của sóng nước nữa mà là dòng sông ánh sáng, lấp lánh ánh trăng vàng, hay đây là dòng ánh sáng tuôn chảy khắp vũ trụ làm cho không gian nghệ thuật thêm hư ảo, mènh mang. Cũng vì thế, con thuyền vốn có thực trên dòng sông đã trở thành một hình ảnh của mộng tưởng, nó đậu trên bến sông trăng để chờ trăng về một nơi nào đó trong mơ. Có thể nói, ngòi bút tài hoa của Hàn Mặc Tử đã phác họa được nét đẹp nhất của sông Hương là vẻ huyền ảo, thơ mộng dưới ánh trăng. Đến câu thơ cuối, con thuyền, dòng sông, ánh trăng trong sự hồi tưởng quá khứ ấy lại gắn với cảm nghĩ của nhà thơ trong hiện tại, bởi vì nhà thơ mong muốn con thuyền chờ trăng về kịp *tối nay* chứ không phải một tối nào khác. Phải chăng trong cái *tối nay* đó, một buổi tối thật buồn và cô đơn, nhà thơ có điều gì muốn tâm sự mà chỉ có trăng mới hiểu được nhà thơ ? Điều đó cho thấy Hàn Mặc Tử rất yêu trăng, trăng là người bạn thân thiết của nhà thơ, và cũng cho thấy nhà thơ rất yêu xứ Huế nhưng dường như cảnh Huế, người Huế không hiểu được, không đáp lại tình yêu ấy nên nhà thơ mới phải mong muốn tâm sự với một người bạn thật xa vời là vầng trăng – ánh trăng xoa dịu nỗi xót xa, khi có trăng bầu bạn thì con người sẽ bớt cô đơn.

Câu 3

Ở hai khổ thơ trên, ngòi bút Hàn Mặc Tử hướng đến thiên nhiên xứ Huế để bộc lộ tâm tư, còn ở khổ thơ này, nhà thơ trực tiếp tâm sự với người xứ Huế. Trước hết, với điệp ngữ *khách đường xa*, câu mở đầu khổ thơ như nhấn mạnh thêm nỗi xót xa, như lời thầm tâm sự của nhà thơ với chính mình : Trước lời mời của cô gái thôn Vĩ (*Sao anh không về chơi thôn Vĩ ?*), có lẽ nhà thơ chỉ là người khách quá xa xôi, hơn thế, chỉ là người khách trong mơ mà thôi. Có nhiều nguyên nhân dẫn tới suy tư ấy, nhưng chủ yếu ở đây là mặc cảm về tình người, vì có thể hiểu hai câu giữa khổ thơ theo hai nghĩa. Về nghĩa thực, xứ Huế nắng nhiều, mưa nhiều nên cũng nhiều sương khói, sương khói làm tăng thêm vẻ hư ảo, mộng mơ của Huế, nhưng sương và khói đều màu trắng, *áo em* cũng màu trắng thì chỉ thấy bóng người thấp thoáng, mờ ảo. Về nghĩa bóng, cái sương khói làm mờ cả bóng người ấy phải chăng tượng trưng cho bao cái huyền hoặc của cuộc đời đang làm cho tình người trở nên khó hiểu và xa vời ?

Hai khổ thơ đầu nói cái đẹp của xứ Huế, khổ cuối nói vẻ đẹp của cô gái Huế. Tả cảnh đẹp xứ Huế, Hàn Mặc Tử đắm say đến mức nhập hoà vào cảnh ; nói đến vẻ đẹp của cô gái Huế, nhà thơ lại lùi ra xa, giữa nhà thơ với cô gái là một khoảng cách mịt mờ sương khói. Vì thế mới có câu thơ cuối mang chút hoài nghi mà lại chan chứa niềm thiết tha với cuộc đời : "Ai biết tình ai có đậm đà ?". Ở đó nhà thơ đã sử dụng rất tài tình đại từ phiếm chỉ *ai* để mở ra hai ý nghĩa của câu thơ : Nhà thơ làm sao mà biết được tình người xứ Huế có đậm đà không, hay cũng mờ ảo, dễ có chóng tan như sương khói kia ; tuy vậy, người xứ Huế có biết chăng tình cảm của nhà thơ với cảnh Huế, người Huế hết sức thầm thiết, đậm đà ? Dù hiểu theo nghĩa nào thì câu thơ cũng chỉ làm tăng thêm nỗi cô đơn, trống vắng trong một tâm hồn tha thiết yêu thương con người và cuộc đời.

Câu 4

Tú thơ là ý chính, ý lớn bao quát toàn bài thơ, làm điểm tựa cho sự vận động của cảm xúc, suy nghĩ, tâm trạng toàn bài thơ. Ở đây tú thơ bắt đầu với cảnh đẹp thôn Vĩ bên dòng sông Hương, từ đó mà khơi gợi liên tưởng thực – áo và mở ra bao nỗi niềm cảm xúc, suy tư về cảnh và người xứ Huế với pháp phỏng những mặn cảm, uẩn khúc, niềm hi vọng, niềm tin yêu.

Bút pháp của bài thơ có sự hoà điệu tả thực, tượng trưng, lâng mạn, trữ tình. Cảnh đẹp xứ Huế đậm nét tả thực mà lại có tầm cao tượng trưng. Sự mơ mộng làm tăng thêm sắc thái lâng mạn. Nét chân thực của cảm xúc làm đậm thêm tính chất trữ tình.

III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỌI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Kiểm tra, đánh giá

- Cho HS học thuộc lòng bài thơ.
- Phân tích theo hướng chọn điểm nổi bật :
 - + Theo anh (chị), trong ba khổ thơ của bài thơ này, khổ thơ nào là hay nhất ? Vì sao ?
 - + Anh (chị) có ấn tượng sâu sắc nhất với câu thơ nào (hoặc chi tiết, hình ảnh nào) trong bài thơ ? Vì sao ?

2. Gợi ý giải bài tập

Bài tập 1

Có ba câu hỏi trong bài thơ :

Khổ 1 : *Sao anh không về chơi thôn Vĩ ?*

Khổ 2 : Thuyền ai đậu bến sông trăng đó – Có chờ trăng về kịp tối nay ?

Khổ 3 : Ai biết tình ai có đậm đà ?

Những câu hỏi này không hướng tới một đối tượng nào cụ thể, vì đây không phải là những câu hỏi vấn – đáp mà chỉ là hình thức bày tỏ nỗi niềm, tâm trạng. Phân tích những nét tâm trạng cụ thể được gợi lên từ những câu hỏi đó dựa theo các ý trong phần *Tiến trình tổ chức dạy học*.

Bài tập 2

Nội dung bài thơ thể hiện nỗi buồn, niềm khát khao của một con người vô cùng yêu đời, yêu sống, yêu thiên nhiên, yêu con người. Một nội dung thơ ca đẹp đẽ như thế lại được sáng tác trong một hoàn cảnh tối tăm, tuyệt vọng (bệnh tật giày vò, ám ảnh về cái chết). Điều đó khiến người ta thêm thương xót và cảm thông với số phận của tác giả, thêm cảm phục một con người đầy tài năng và nghị lực đã vượt lên hoàn cảnh nghiệt ngã để sáng tác một bài thơ, một bài ca về tình đời, tình người.

*Bài tập 3**

Đây thôn Vĩ Dạ trước hết là một bài thơ về tình yêu. Xuyên qua sương khói hú áo của tình yêu mơ mộng là tình quê, là tình yêu thiết tha, đầm thắm với đất nước quê hương. Với việc khơi gợi lên tình cảm chung của nhiều người như thế, bài thơ diễn tả tâm trạng riêng của tác giả lại tạo được sự cộng hưởng rộng rãi và lâu bền trong tâm hồn của các thế hệ độc giả.

IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Cự Đệ, *Hàn Mặc Tử – Tác phẩm, phê bình và tưởng niệm*, NXB Văn học, Hà Nội, 2002.
2. Chu Văn Sơn, *Ba đỉnh cao Thơ mới : Xuân Diệu – Nguyễn Bính – Hàn Mặc Tử*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005.
3. *Hàn Mặc Tử – Về tác gia và tác phẩm*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003.